

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2022/HS-ST**  
Ngày 11 tháng 01 năm 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Nam  
Bà Trần Thị Hồng Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 200/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2021/HSST-QĐ ngày 26/11/2021 Thông báo mở lại phiên tòa số 340/TB-TA ngày 27/12/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tạ Văn T**, sinh năm 1982 tại Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: xóm 1, thôn P1, xã Đ, huyện T3, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn T3 – sinh năm 1956, con bà Vũ Thị H1 – sinh năm 1960; Sống chung như vợ chồng với Huỳnh Thị T4 (không đăng ký kết hôn) và có 01 con chung sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2021 đến nay (Có mặt).

*Bị hại:* Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp L, xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp H, xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tạ Văn T và chị Nguyễn Thị T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10/2020 tại ấp L, xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống giữa T và chị T1 phát sinh mâu thuẫn nên vào khoảng tháng 3/2021 T bỏ ra ngoài sống riêng. Khi bỏ đi T mang theo xe mô tô biển số 94K1 – 836.48 là tài sản riêng của chị T1, thường ngày sống chung chị T1 đưa xe trên cho T mượn sử dụng làm phương tiện đi lại (xe này chị T1 mua của ông Nguyễn Văn T4 chưa sang tên). Sau đó, chị T1 điện thoại và nhắn tin yêu cầu T trả lại xe mô tô trên nhưng T không trả. Đến ngày 11/5/2021 T mang xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ “Hà Tịnh” do ông Phạm Văn T2 làm chủ ở ấp H2, xã PT, huyện Long Thành, cầm cố lấy số tiền 10.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Do bị chị T1 nhắn tin, điện thoại yêu cầu T trả lại xe nên T có gửi một số hình ảnh khóa thân và hình ảnh chị T1 đang quan hệ tình dục với T do T chụp trong quá trình sống chung cho em gái chị T1 là Nguyễn Ngọc H3 thông qua mạng Zalo nhằm mục đích chị T1 e ngại không đòi lại xe. Do đòi nhiều lần nhưng T trốn tránh không trả xe, ngày 22/6/2021 chị T1 làm đơn tố cáo T đến Công an xã PT. Đến ngày 12/7/2021 Tạ Văn T đến Công an xã PT đầu thú đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 77/KL-ĐGTS ngày 14/7/2021 của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 mô tô hiệu Blade, biển số 94K1 – 836.48 có trị giá 11.000.000 đồng.

Về vật chứng: 01 mô tô hiệu Blade, biển số 94K1 - 836.48. Đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bị hại Nguyễn Thị T1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị T1 đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bồi thường. Đối với số tiền cầm xe và lãi suất bị cáo đã hoàn trả cho ông T2, ông T2 không yêu cầu gì thêm.

Tại cáo trạng số 208/CT-VKSLT ngày 25 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Tạ Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuyên bị cáo Tạ Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Tạ Văn T: từ 12 tháng đến 16 tháng tù.

Về vật chứng, Viện kiểm sát đề nghị: 01 mô tô hiệu Blade, biển số 94K1 - 836.48. Đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bị hại Nguyễn Thị T1

Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của hai bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị hại chị Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T2 vắng mặt; trong giai đoạn điều tra chị T1, ông T2 đã có lời khai và không có yêu cầu gì. Do vậy việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Tạ Văn T có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết luận: Tạ Văn T và chị Nguyễn Thị T1 có quan hệ tình cảm và sống chung với nhau như vợ chồng tại nhà chị T1 thuộc ấp L, xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Đến tháng 3/2021 do mâu thuẫn với chị T1, T ra ngoài ở riêng và chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Blade, biển số 94K1 - 836.48 của chị T1 cho mượn sử dụng có giá trị 11.000.000 đồng; chị T1 đã nhiều lần gọi điện và nhắn tin yêu cầu T trả xe nhưng T không trả. Đến ngày 11/5/2021 T mang xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ “Hà Tịnh” do ông Phạm Văn T2 làm chủ ở ấp H2, xã PT, huyện Long Thành, cầm cố lấy số tiền 10.000.000 đồng tiêu xài cá nhân; sau đó chị T1 nhiều lần đòi xe nhưng T trốn tránh, cố tình không trả xe cho chị T1.

Hành vi do bị cáo Tạ Văn T thực hiện đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo theo tội danh và khoản, Điều nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo là cố ý trực tiếp, gây hậu quả thiệt hại về tài sản của người khác.

[4] Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo Tạ Văn T là người có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; ngoài ra sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo và nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[8] Về xử lý vật chứng:

01 mô tô hiệu Blade, biển số 94K1 - 836.48 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị T1. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T1 là đúng quy định.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Nguyễn Thị T1 đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu T bồi thường gì thêm; nên không xem xét.

Ông Phạm Văn T2 là chủ tiệm cầm đồ “Hà Tịnh” đã được bị cáo T hoàn trả tiền cầm xe và lãi suất, ông T2 không yêu cầu gì thêm; nên không xem xét.

[10] Về vấn đề khác:

Đối với hành vi của T gửi hình ảnh nhạy cảm của chị T1 cho em chị T1 là có dấu hiệu của tội “Làm nhục người khác” quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật hình sự. Nhưng chị T1 có đơn bãi nại, không đề nghị xử lý hình sự, nên Cơ quan điều tra không khởi tố là đúng quy định.

Đối với ông Phạm Văn T2 là chủ tiệm cầm đồ “Hà Tịnh” cầm mô tô hiệu Blade, biển số 94K1 - 836.48 từ T. Khi cầm xe ông T2 không biết xe do phạm tội mà có, nên không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do vậy, Công an huyện Long Thành đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 3.500.000 đồng, theo Quyết định số 199/QĐ-VPHC ngày 29/9/2021, đối với ông Phạm Văn T2 về hành vi theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là đúng quy định.

[11] Về án phí: Bị cáo Tạ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Tạ Văn T** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn T: **01** (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2021.

**2.** Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Tạ Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- VKSND huyện Long Thành;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**Phạm Ngọc Quyền**









